

Số: **351/2021/QĐST-HNGĐ**

Đông Đa, ngày 29 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu xác định cha cho con.
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Phương Thảo.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa, Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Phạm Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Đông Đa, Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 263/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/04/2021 về việc *Yêu cầu xác nhận con cho cha* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: **Anh Nguyễn V D**; sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Lôi Khê, xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Bình Dương.

Chị Cao Thị HH, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 3, ngõ 78, ngách 22 Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Cao Minh Nhật, sinh ngày 25/03/2016. **Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Chị Cao Thị HH**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 3, ngõ 78, ngách 22 Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Nguyễn V D và chị Cao Thị HH trình bày: Tháng 10/2014, anh chị quen biết nhau tại Tokyo Nhật Bản từ đó phát sinh tình cảm với nhau, sau đó chị Hạnh có thai, đến ngày 25/03/2016 thì sinh một bé trai tại đất nước Nhật Bản, đặt tên cháu là Cao Minh Nhật và đăng ký khai sinh cho cháu tại: Sở hành chính thành phố Kawaguchi, tỉnh Saitama, Nhật Bản. Giấy khai sinh số: 201611324 cấp ngày 08/06/2016. Phần trên của giấy Trích lục giấy khai sinh bỏ trống tên cha, tên mẹ ghi Cao Thị HH. Do điều kiện hoàn cảnh anh chị không có kết hôn với nhau và cùng thống nhất đưa con về Việt Nam vào ngày 31/08/2016. Nay anh chị có nguyện vọng

Yêu cầu Tòa án xác định con cho cha là cháu Cao Minh Nhật là con đẻ của anh Nguyễn V D.

Tại phiên họp hôm nay, anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác định cháu Cao Minh Nhật là con đẻ của anh Nguyễn V D.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham dự phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc của Thẩm phán, Th□ ký xét xử đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của ng□ời tham gia tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra tại phiên họp xét thấy đủ căn cứ pháp luật đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của anh chị, xác định anh Nguyễn V D là cha đẻ của cháu Cao Minh Nhật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc yêu cầu Tòa án xác định con cho cha của anh Nguyễn V D và chị Cao Thị HH là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 10 điều 29- Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã Quyết định trưng cầu giám định số 119/2021/QĐ-TCGD ngày 02/04/2021 Trưng cầu Công ty TNHH LOCI AND thực hiện giám định ADN đối với anh Nguyễn V D và cháu Cao Minh Nhật; Xác định anh Nguyễn V D có phải là cha đẻ của cháu Cao Minh Nhật, sinh ngày 25/03/2016 hay không?

Theo kết luận giám định số 08/2021 CV-LOCI ADN ngày 17/04/2021 của Công ty TNHH LOCI AND: Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn V D và người có mẫu ADN ký hiệu Cao Minh Nhật Có cùng quan hệ huyết thống Cha- Con.

Vì vậy, Tòa án chấp nhận Yêu cầu xác định cha con của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về các vấn đề khác: Căn cứ: Khoản 10 điều 29, điều 149, điều 161, điều 361, điều 371, điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn V D và chị Cao Thị HH thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí Tòa án. Đối với số tiền chi phí giám định anh chị tự nguyện chịu nên ghi nhận.

Các đ□ơng sự đ□ợc quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 89, Điều 9, Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ: điều 39 Bộ luật dân sự;
Căn cứ: Khoản 10 điều 29, điều 149, điều 161, điều 361, điều 371, điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xác định con cho cha của anh Nguyễn V D và chị Cao Thị HH
2. Xác định cháu Cao Minh Nhật, sinh ngày 25/03/2016 là con đẻ của anh Nguyễn V D.
3. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: anh Nguyễn V D và chị Cao Thị HH thuộc trường hợp được miễn nộp lệ phí Tòa án. Đối với số tiền chi phí giám định anh chị tự nguyện chịu. Anh chị đã nộp xong.

Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒNG ĐA
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Phương Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/V⁽³⁾.....
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:**
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số / / TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số / / QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾

.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp;
ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân
.....nhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾.....

.....

- ⁽²⁰⁾.....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾.....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾.....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3
Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP** ⁽²⁴⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”